

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập điện tử máy lạnh dân dụng (228328) - Nhóm 01**

CBGD: **Đặng Văn Tín (280038)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1 <i>Đặng Văn Tín</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Đặng Văn Tín</i>	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180092	HỒ SĨ AN	27/03/2003	CCQ2118C			<i>an</i>			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121180083	PHẠM PHƯỚC DỰ	27/10/2003	CCQ2118C			<i>Phước</i>			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121170222	DƯƠNG QUỐC ĐẠT	06/01/2003	CCQ2118C			<i>Đạt</i>			6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121180107	DƯƠNG VINH HÀO	30/04/2003	CCQ2118C			<i>Hào</i>			7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121180106	TRẦN ĐÌNH HÀO	11/08/2002	CCQ2118C			<i>Hào</i>			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121180096	NGUYỄN THANH HOÀNG	02/10/2003	CCQ2118C			<i>Hoàng</i>			7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121180101	DỤNG MINH HUY	15/06/2003	CCQ2118C			<i>Huy</i>			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121180072	HUỖNH TRÚC KHOANG	25/05/2003	CCQ2118C			<i>Khoang</i>			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121180104	HOÀNG ĐÌNH LẠNG	15/11/2003	CCQ2118C			<i>Lạng</i>			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121180086	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	27/03/2003	CCQ2118C			<i>Phú</i>			8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121180097	TRẦN KHÁNH QUANG	03/05/2003	CCQ2118C			<i>Khánh</i>			8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121180079	KIỀU QUỐC THỌ	24/06/2003	CCQ2118C			<i>Thọ</i>			6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121180099	LÊ QUỐC TIẾN	06/08/2003	CCQ2118C			<i>Tiến</i>			6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121180105	LƯU MINH TRUNG	29/08/2003	CCQ2118C			<i>Trung</i>			6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121180077	NGUYỄN MINH TUYỀN	18/06/2003	CCQ2118C			<i>Tuyền</i>			7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121180082	LƯƠNG HỒNG VI	19/04/2003	CCQ2118C			<i>Vi</i>			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121180081	DƯƠNG QUỐC VIỆT	01/06/2003	CCQ2118C			<i>Việt</i>			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9